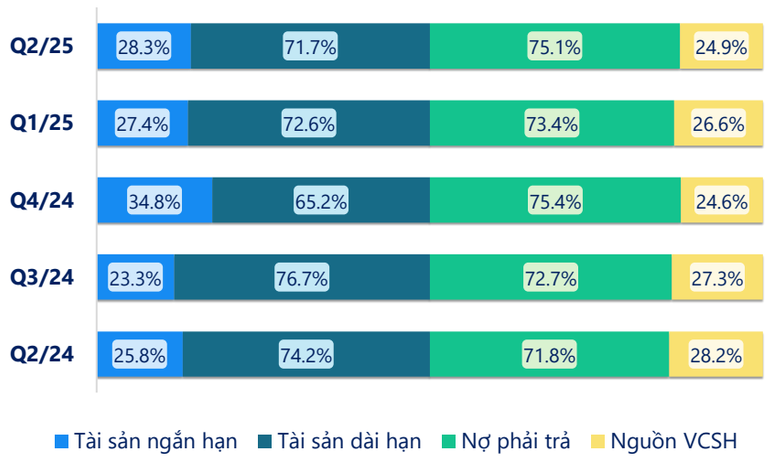
FireAnt

CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,620
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,410
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,350
SL cổ phiếu LH	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	392,040
% sở hữu nước ngoài	3.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	741
P/E	-7.9
EPS	-960

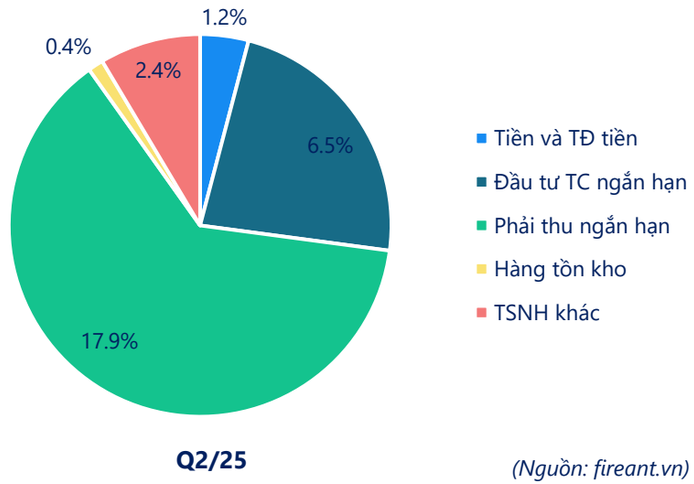
	YTD	1T	3T	6T
VNG	-12.6%	-3.5%	-4.8%	-15.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



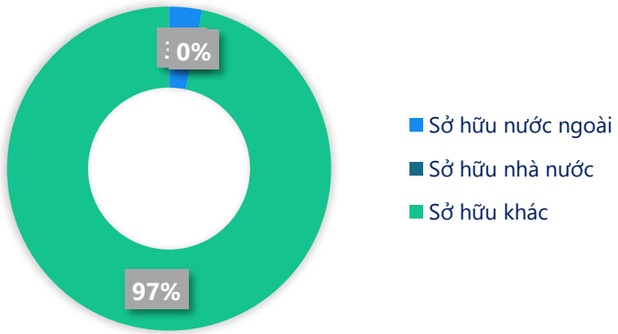
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



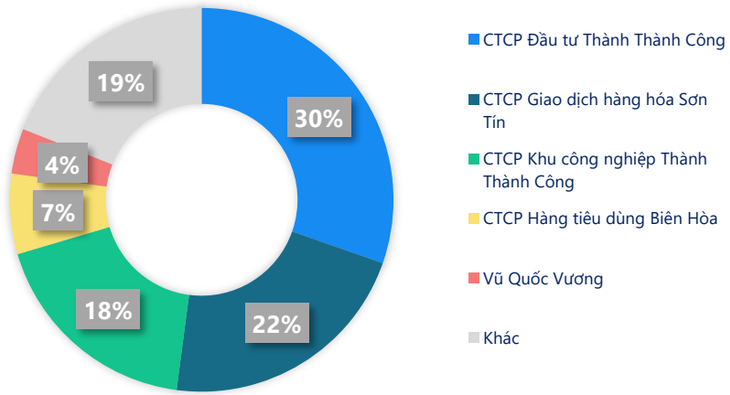
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



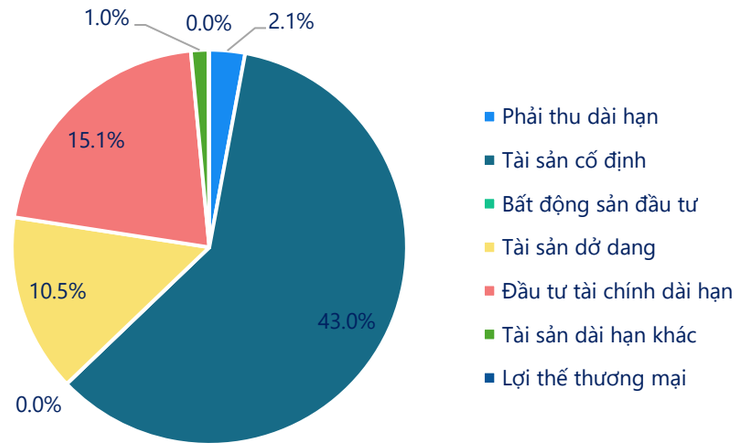
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

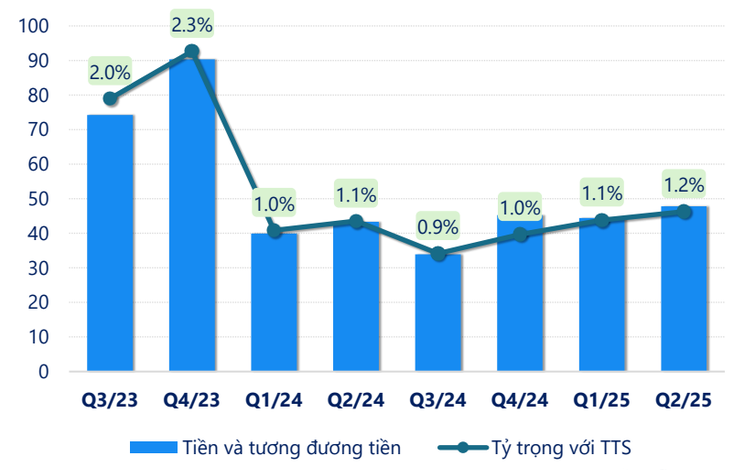


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

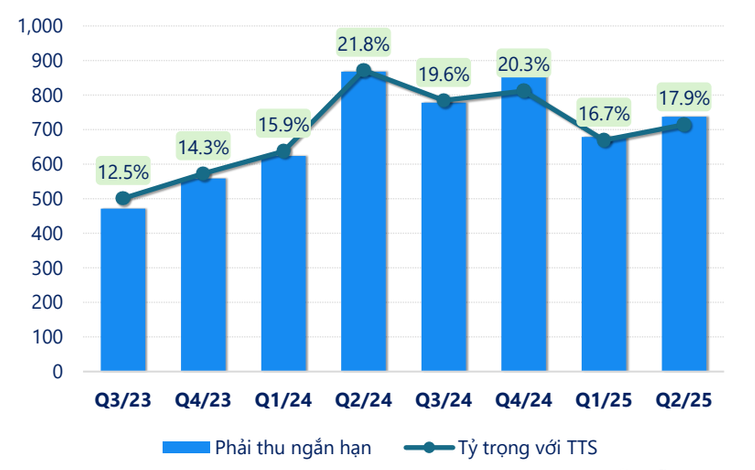
CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)

Tiền và tương đương tiền



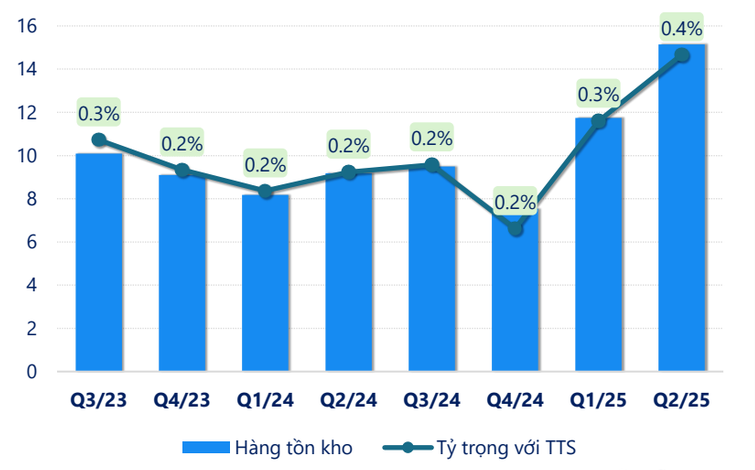
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



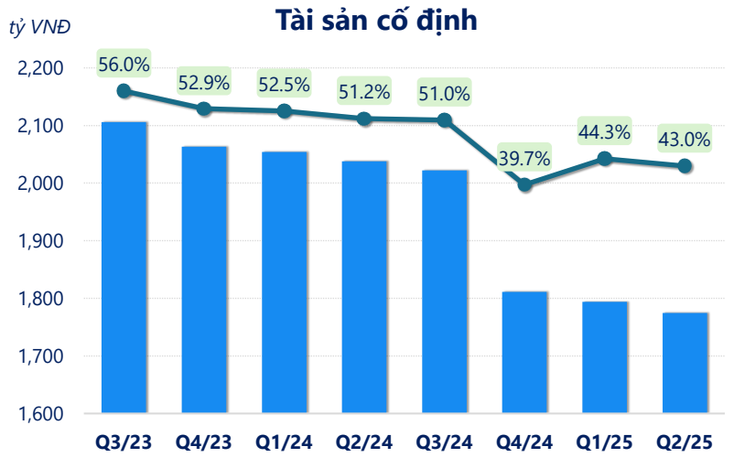
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



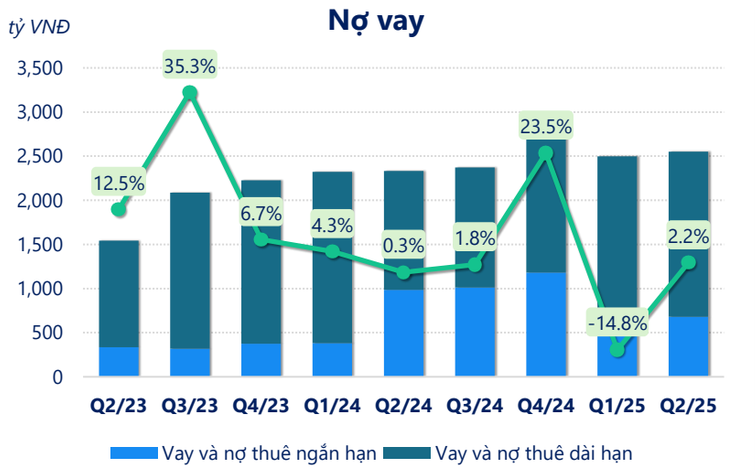
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



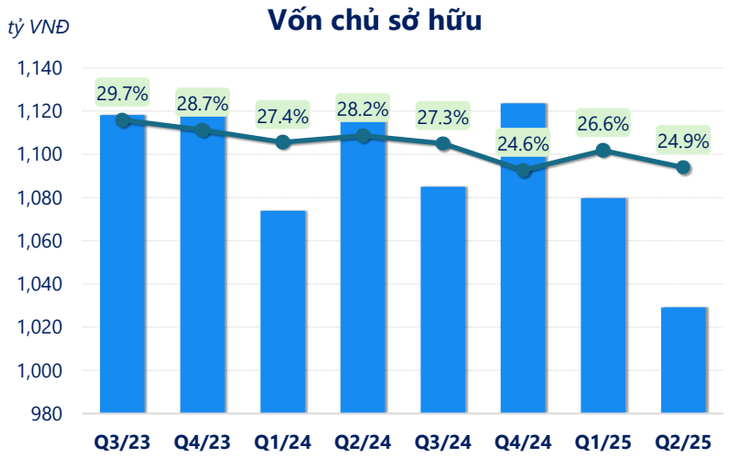
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



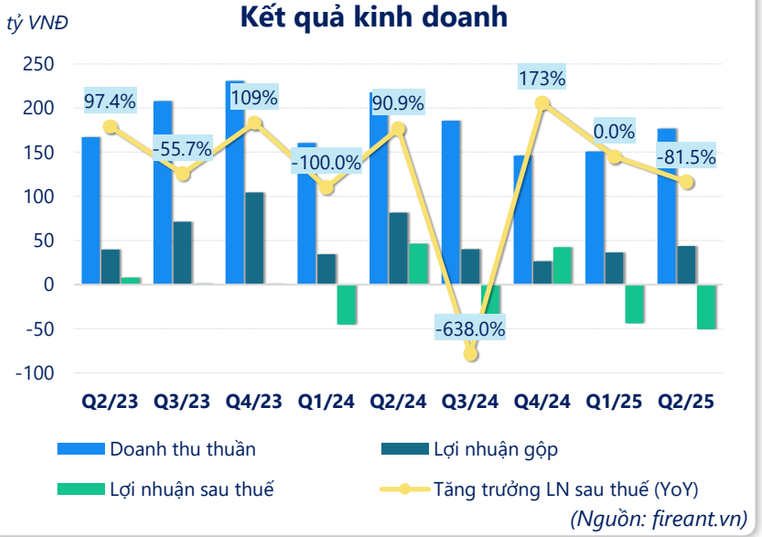
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

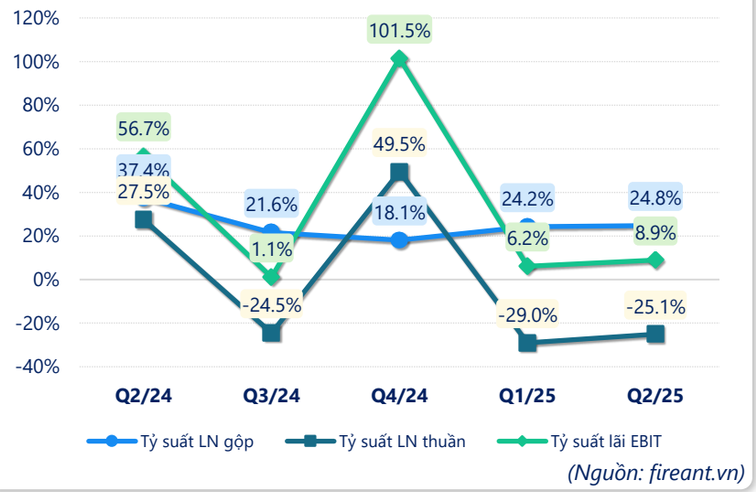
CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)

Kết quả kinh doanh



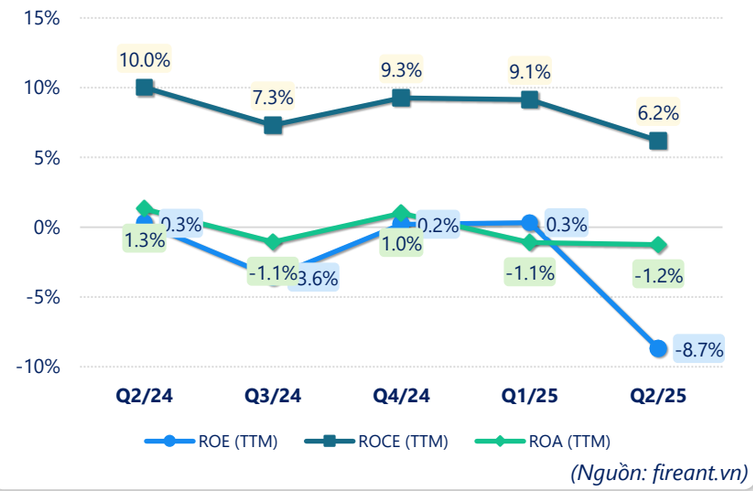
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



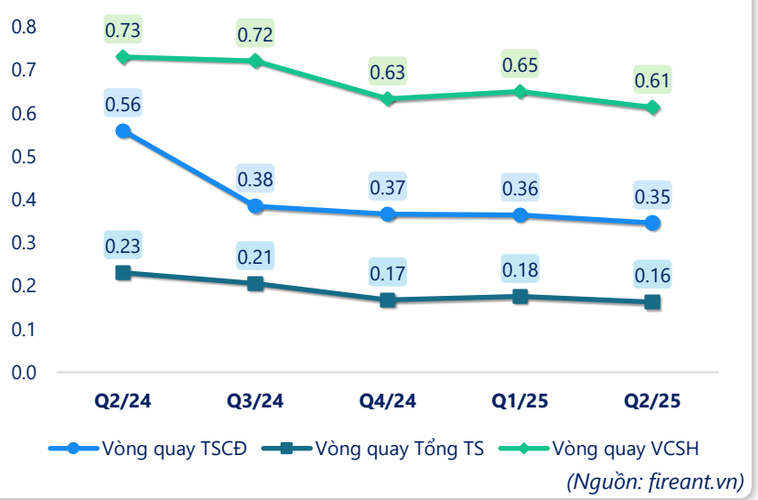
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



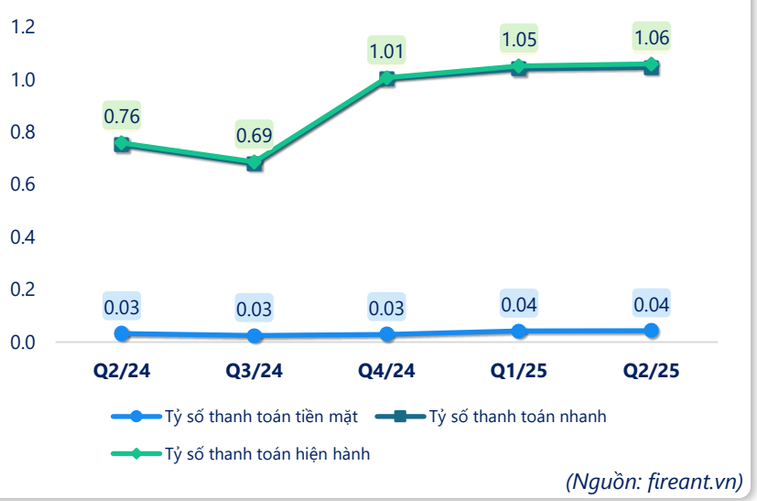
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



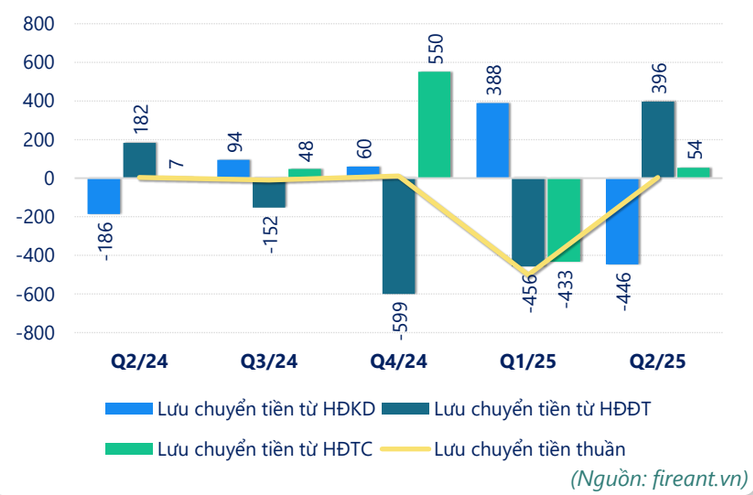
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Du lịch Thành Thành Công (HSX: VNG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,130**	**4,544**	**-9.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,170	1,572	-25.6%
Tiền và tương đương tiền	47.8	545	-91.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	269	12.3	2094%
Phải thu ngắn hạn	737	913	-19.2%
Hàng tồn kho	15.1	7.55	101%
Tài sản ngắn hạn khác	100	94.0	6.4%
Tài sản dài hạn	**2,961**	**2,973**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	86.3	299	-71.2%
Tài sản cố định	1,774	1,811	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	432	412	4.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	624	391	59.5%
Tài sản dài hạn khác	**42.4**	**56.3**	**-24.6%**
Lợi thế thương mại	1.89	2.42	-22.1%
Nợ phải trả	3,101	3,421	-9.3%
Nợ ngắn hạn	**1,105**	**1,551**	**-28.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	679	1,139	-40.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.6	132	-29.3%
Nợ dài hạn	1,997	1,870	6.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,872	1,790	4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,029**	**1,124**	**-8.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,029**	**1,124**	**-8.4%**
Vốn điều lệ	973	973	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	218	185	146	151	177
Giá vốn hàng bán	136	145	120	114	133
Lợi nhuận gộp	81.5	40.1	26.5	36.5	43.7
Doanh thu HĐTC	76.3	4.64	210	4.42	4.12
Chi phí TC	64.1	55.2	129	54.6	64.9
Chi phí lãi vay	61.9	52.1	76.4	53.3	61.0
LN trong công ty LKLD	-7.68	-3.66	6.60	-0.47	-1.36
Chi phí bán hàng	9.10	10.0	19.0	9.34	9.60
Chi phí QLDN	17.0	21.1	23.4	20.3	16.3
LN thuần từ HĐKD	59.9	-45.4	72.4	-43.7	-44.3
Lợi nhuận khác	1.63	-4.70	-0.42	-0.23	-0.98
LN trước thuế	61.5	-50.1	71.9	-44.0	-45.3
Lợi nhuận sau thuế	46.3	-41.7	42.3	-44.0	-50.6
LNST của CĐ cty mẹ	46.3	-41.1	42.3	-44.0	-50.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-186	94.2	60.2	388	-446
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	182	-152	-599	-456	396
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.45	48.3	550	-433	53.9
Tiền đầu kỳ	40.0	43.3	33.9	545	44.4
Lưu chuyển tiền thuần	**3.26**	**-9.34**	**11.4**	**-501**	**3.35**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	-0.08	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	43.3	33.9	45.2	44.4	47.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic